

Số: 109a/KH-MNBT

Tp. Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

Năm học 2023 – 2024

Thực hiện thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị trường Mầm non Bình Thọ xây dựng kế hoạch thực hiện công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023 - 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Thực hiện công khai để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Yêu cầu:

- Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.
- Thông tin được công khai tại của nhà trường phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

II. NỘI DUNG

1. Các nội dung công khai:

Với mục tiêu thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để cơ quan quản lý, phụ huynh, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.



1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo tự đánh giá báo cáo đánh giá ngoài.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

1.3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của nhà trường:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của cha mẹ học sinh. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính

theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính. Quy chế sử dụng tài sản công. Công khai kế hoạch phòng, chống tham nhũng và báo cáo về việc thực hiện báo cáo phòng, chống tham nhũng. Công khai việc xét thi đua và kết quả xét Nghị quyết 03.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo: (công khai học phí và các khoản thu hộ chi hộ như tiền ăn, công phục vụ, vệ sinh phí, từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học theo đúng chỉ đạo)..

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (nếu có).

2. Về hình thức và thời điểm công khai:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6, 10 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm, cập nhật đầu năm học (tháng 10) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Công khai phổ biến trong các cuộc họp của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường vào đầu năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật thường xuyên khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Công khai phổ biến trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, cuối năm đối với nội dung “Các khoản thu trong năm học và dự kiến cho năm học tiếp theo”, niêm yết trên bảng tin của nhà trường theo thời gian đã quy định. bảng tin trường, bảng tin nội bộ, các trang group zalo trường, phụ huynh các lớp.

- Công khai trên bảng tin trường, bảng tin nội bộ, các trang group zalo trường, phụ huynh các lớp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Phạm Thị Hồng Hà	Phó hiệu trưởng	Phó ban
3	Bà Nguyễn Thị Bích Chi	Phó hiệu trưởng	Ủy viên
4	Bà Phạm Thị Bích Chi	Thanh tra nhân dân, Tổ trưởng Nhà trẻ - Mầm	Ủy viên
5	Bà Trần Thị Thiên Kim	CTCD - Tổ trưởng Chồi	Ủy viên
6	Bà Nguyễn Thị Diệu Chi	Tổ trưởng Lá	Ủy viên
7	Bà Cao Thị Phụng	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên
8	Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên
9	Ông Nguyễn Hữu Đức	Tổ trưởng tổ cấp dưỡng	Ủy viên

2. Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định

3. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

4. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng giáo dục.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cấp trên.

6. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 05 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động của nhà trường

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động, cha mẹ học sinh xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Thông qua Hội nghị công chức, viên chức và người lao động:

+ Giáo viên đăng ký chất lượng dạy và học của lớp và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng học sinh tỷ lệ chuyên cần, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường, các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ giáo viên.

- Tổng hợp đánh giá trẻ vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại giáo viên hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

- Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị.

- Phó hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị. Phối hợp cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Thanh tra nhân dân: chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động theo sự phân công và đôn đốc nhắc nhở cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động, cha mẹ học sinh thực hiện theo nội quy, quy định của nhà trường.

- Chủ tịch công đoàn: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất và cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Tổ trưởng chuyên môn: Thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.

- Bộ phận tài vụ (kế toán): Quyết toán thu, chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.



Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của trường Mầm non Bình Thọ năm học 2023-2024 đề nghị các thành viên trong Hội đồng sư phạm nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGH (T.h);
- Công đoàn (T.h);
- TTND (T.h);
- Tổ trưởng chuyên môn (T.h);
- Kế toán (T.h);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**
Nguyễn Thị Hồng Điệp

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH THỌ**

Biểu mẫu 01

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. - 100% số trẻ đến trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; không để xảy ra dịch bệnh tại trường. - Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội, thẩm mỹ. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 60 – 65%/calo/ngày.	- Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm- kỹ năng xã hội chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào học ở trường tiểu học. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 50 – 55%/calo/ngày.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện theo: Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1. Phát triển thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	1. Phát triển thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

	2. Phát triển Tình cảm xã hội: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện... 3. Phát triển Nhận thức: - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. 4. Phát triển Ngôn ngữ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp.	2. Phát triển Tình cảm xã hội: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. 3. Phát triển Nhận thức: - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. 4. Phát triển Ngôn ngữ: - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. 5. Phát triển Thẩm mỹ: - Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc,
--	--	--

			sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội Noel, Lễ hội mừng xuân, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương...	- Trẻ tham gia các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, vẽ, Kỹ năng sống...

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)



Nguyễn Thị Hồng Điệp



THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	311	14	33	70	114	80
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	311	14	33	70	114	80
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	00	00	00	00	00	00
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	311	14	33	70	114	80
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	311	14	33	70	114	80
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	311	14	33	70	114	80
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em (Tháng 9/2023)						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	270	12	33	63	98	67
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	05	00	00	02	01	02
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	297	13	33	69	112	80
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	03	01	00	01	02	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	27	00	02	03	11	11
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	311	14	33	70	114	80
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	47	14	33			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	264			70	114	80

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)



Nguyễn Thị Hồng Điệp

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	09	
2	Phòng học bán kiên cố	00	
3	Phòng học tạm	00	
4	Phòng học nhờ	00	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.352 m²	8.4m²/trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	778 m²	2.77m²/trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	53 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	16 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	36 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng Hoạt động âm nhạc (m ²)	40 m ²	
7	Diện tích phòng chơi Kidsmart (m ²)	0	
8	Diện tích phòng bảng tương tác (m ²)	23.12 m ²	
9	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	88 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	09	09 bộ/09 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	09	09 bộ/09 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	32	12 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	10	1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	15	1
3	Máy PHOTO COPY	01	
5	Catsset	00	
6	Thiết bị khác	09	
7	Bàn ghế đúng quy cách	330 bộ	
8	Camera an ninh	14 mắt	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	09		09		0.42
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*) Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Điệp

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32			19	04	02	07	09	04	10	13	10		
I	Giáo viên	20			16	04			07	06	07	10	10		
1	Nhà trẻ	05			04	01			03	01	01	02	03		
2	Mẫu giáo	15			12	03			04	05	06	08	07		
II	Cán bộ quản lý	03			03					01	02	03			
1	Hiệu trưởng	01			01					01		01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02						02	02			
III	Nhân viên	09			0		02	07							
1	Nhân viên văn thư - kế toán	01			01										
2	Nhân viên y tế - Thủ quỹ	01					01								
3	Nhân viên khác	07						07							
..	..														

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Điệp